

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 777/2026/HNST ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc “Xác định cha cho con”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn : Ông Lê Sỹ Anh T, sinh năm xxxx,

Căn cước công dân số: 079096xxxx92 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Địa chỉ: 643/1/2 A, phường B, Thành phố H,

Bị đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm xxxx,

Căn cước công dân số: 079198xxxx62 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Địa chỉ: 129/81/6 Liên Khu 5-6, phường Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Thanh P, sinh năm xxxx,

Căn cước công dân số: 079095xxxx73 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Địa chỉ: 129/81/6 L, phường B, Tp. H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Trẻ Lê Sỹ Anh T, do bà Lê Thị Kim T sinh ngày vào 26/01/2026 theo Giấy chứng sinh có mã số GCS: 01658.GCS.79400.26, SVV: 0004231/26, mã BN: 16209327 của bệnh viện Hùng Vương cấp ngày 26/01/2026 là con ruột của ông Lê Sỹ Anh T, sinh ngày xx/xx/xxxx, CCCD số 079096xxxx92, cấp ngày xx/xx/xxxx,

địa chỉ thường trú: 643/1/2 A, phường B, Thành phố H.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật.

2.2. Về án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND Khu vực X;
- THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N